

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17-4-2019

“Về việc: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Nguyễn Đình Nghịch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 369/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/3/2019 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Nhà số 10, thôn 1, xã Tân T1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Nhà số 10, thôn 1, xã Tân T1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/12/2018, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi và bà Đoàn Thị N kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1979 cho tới nay. Tuy nhiên, chúng tôi không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, bà N có lối sống mê tín dị đoan đến mức ảo tưởng, cuồng tín, hung dữ, độc đoán, bạo lực, chửi rủa, không tôn trọng nhau. Năm 2014, tôi đã đưa đơn ly hôn đến Ban tư pháp xã Tân T và được hòa giải. Từ đó đến nay, vợ chồng tôi sống ly thân. Cuộc sống của chúng tôi thường xuyên cãi vã, bạo lực với nhau. Xét thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi có nguyện vọng xin được ly hôn với bà Đoàn Thị N.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi có 06 con chung:

1. Cháu Nguyễn Thị Quỳnh C, sinh năm 1980;
2. Cháu Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh năm 1982;
3. Cháu Nguyễn Thị Quỳnh N2, sinh năm 1984;
4. Cháu Nguyễn Thị Quỳnh N3, sinh năm 1987;
5. Cháu Nguyễn Thị Quỳnh N4, sinh năm 1988;
6. Cháu Nguyễn Thị Quỳnh N5, sinh năm 1992.

Hiện nay, các cháu đã đủ 18 tuổi và đã có gia đình riêng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông Nguyễn Văn T không trình bày gì thêm.

* *Tại bản tự, quá trình giải quyết vụ án bà Đoàn Thị N trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi nhất trí với ông Nguyễn Văn T về việc vợ chồng xây dựng gia đình trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, chung sống với nhau từ năm 1979 cho tới nay và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Về mâu thuẫn như ông Nguyễn Văn T trình bày là không đúng. Trong quá trình vợ chồng chung sống từ năm 1979 cho đến nay thì vợ chồng không có mâu thuẫn hay bất đồng quan điểm sống gì cả, vợ chồng chung sống hạnh phúc nên chúng tôi mới có được 06 người con chung với nhau. Tuy nhiên, ông T làm đơn xin ly hôn với tôi thì tôi không đồng ý. Bản thân ông Nguyễn Văn T hiện đang có người phụ nữ khác nên ông mới làm đơn xin ly hôn với tôi. Tôi đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T. Nguyên nhân mâu thuẫn theo như lời trình bày mà ông T đã cung cấp cho Tòa án là không đúng sự thật. Ông Nguyễn Văn T vẫn cương quyết ly hôn với tôi và để tạo ra mâu thuẫn gia đình thì

ông T đã về nhà đánh đập tôi nhằm mục đích để được ly hôn với tôi. Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T.

- *Về con chung, tài sản chung, nợ chung:* Do không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T nên tôi không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ngoài ra bà Đoàn Thị N không có ý kiến gì thêm.

* *Tại biên bản xác minh ngày 22 tháng 01 năm 2019, đại diện chính quyền địa phương cung cấp như sau:* Ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị N là vợ chồng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng ông T bà N đã 01 lần ông T chồng bà N làm đơn xin ly hôn năm 2014. Chính quyền thôn và xã đã hòa giải và vợ chồng quay về đoàn tụ. Còn nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ chồng ông T bà N có mâu thuẫn hay không thì không rõ vì chính quyền thôn không thấy trình báo, người dân xung quanh nhà ông bà cũng không bàn tán gì. Nay ông Nguyễn Văn T làm đơn xin ly hôn với bà Đoàn Thị N thì đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng ông bà quay về đoàn tụ. Vì mâu thuẫn của họ địa phương không thấy có.

* *Tại biên bản xác minh ngày 19 tháng 02 năm 2019, Hội liên hiệp phụ nữ xã Tân T1 cung cấp như sau:* Ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị N cùng cư trú tại thôn 1, xã Tân T, huyện K. Trong quá trình sinh sống thì vợ chồng ông T bà N không có mâu thuẫn gì. Hiện nay được biết theo dư luận của người dân là ông Nguyễn Văn T chồng bà Đoàn Thị N đang có người phụ nữ khác. Do đó ông Nguyễn Văn T mới làm đơn xin ly hôn với bà Đoàn Thị N. Với yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T đề nghị Tòa án không chấp nhận về việc xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Đoàn Thị N.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, công khai chứng cứ, hòa giải về quan hệ hôn nhân. Về quan hệ hôn nhân do ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị N không thống nhất được với nhau. Cụ thể ông Nguyễn Văn T vẫn cương quyết xin được ly hôn với bà Đoàn Thị N còn bà Đoàn Thị N thì đề nghị đoàn tụ, quay về chung sống với nhau. Vì vậy, căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn bà Đoàn Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là vi phạm Điều 70, 72, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 85, Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đoàn Thị N. Bà Đoàn Thị N có hộ khẩu thường trú tại xã Tân T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 12 năm 2018 của ông Nguyễn Văn T, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự tham gia của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, mặc dù bị đơn bà Đoàn Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T làm đơn xin ly hôn, ông T xin được ly hôn với bà Đoàn Thị N. Hội đồng xét xử thấy:

- Xét về quan hệ hôn nhân: Mặc dù ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị N chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1979 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung ông T và bà N không đến Ủy ban nhân dân xã nơi ông T và bà N cư trú để đăng ký kết hôn. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 Ủy ban thường vụ Quốc hội và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của ông T - bà N vẫn được pháp luật thừa nhận là hôn nhân thực tế. Vì vậy, công nhận hôn nhân thực tế của ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị N.

Ông Nguyễn Văn T làm đơn khởi kiện ra Tòa án xin ly hôn với bà Đoàn Thị N, Hội đồng xét xử thấy:

- Về nguyên nhân mâu thuẫn: Ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị N không thống nhất được với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên, qua xác minh tại chính quyền địa phương (BL 35-36) và xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã Tân T1 (BL 49-50) thì thấy: Ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị N trong quá trình sinh sống tại địa phương không có mâu thuẫn gì. Hiện nay, được biết theo dư luận của người dân là ông Nguyễn Văn T đang có người phụ nữ khác. Do đó, ông T mới làm đơn xin ly hôn với bà N. Qua đó cho thấy được, trong quá trình chung sống giữa ông T và bà N thì bà N không có lỗi gì dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Lý do dẫn đến việc ông T làm đơn xin ly hôn với bà N là vì lý do ông T có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Vì vậy, ông T có nguyện vọng xin được ly hôn với bà N. Còn bà N không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ. Ông T cho rằng từ năm 2014 đến nay sau khi được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã thì ông và bà N đã sống ly thân, tuy nhiên bà N không thừa nhận việc ông bà sống ly thân. Với các chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy cuộc sống vợ chồng ông T - bà N không có mâu thuẫn gì. Hơn nữa, các con của ông bà hiện nay đã trưởng thành, cuộc sống của ông bà không có khó khăn gì về kinh tế, bà N không hề có lỗi gì dẫn đến việc ông T làm đơn xin ly hôn tại Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T.

-Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 85, Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T đối với bà Đoàn Thị N.

2 Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/009600 ngày 11 tháng 12 năm 2018.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã Tân T1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh